

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/ HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 4 -2023

V/v tranh chấp: *Ly hôn và nuôi con chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ánh Hồng và bà Hoàng Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bình – Thư ký Toà án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Mai Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại Toà án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023, về việc: Ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXX-ST ngày 16 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04 ngày 04/4/2023, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Minh S**, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Nh, huyện L, tỉnh H

2/ Bị đơn: Chị **Phạm Thị Tr**, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Nhuận Tr, huyện L, tỉnh H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn anh Nguyễn Minh Sơn trình bày: Anh và chị Phạm Thị Tr kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 27 tháng 7 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Nh, huyện L, tỉnh H. Sau khi cưới vợ chồng anh chị về sinh sống và xây dựng nhà ở trên đất của bố mẹ anh Sơn cho tại thôn Đồng S, xã Nh. Được khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Khoảng đầu năm 2020 vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Anh S thường xuyên đi làm ăn xa còn chị Tr và con vẫn sinh sống tại nhà chung thuộc thôn Đồng S. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn anh xin ly hôn chị Tr.

Về nuôi con chung: anh chị có một con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 10/5/2013 hiện nay ở với mẹ. Anh Sơn đề nghị giao con cho chị Tr nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đồng/01 tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về nợ chung: Không có

Tại Biên bản ghi lời khai, bị đơn chị Phạm Thị Tr khai như sau: Chị đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và biết các văn bản, tài liệu do anh Sơn nộp kèm theo đơn và chị không có ý kiến gì đối với các văn bản tài liệu này. Chị xác nhận chị và anh Sơn kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, yêu thương nhau và có đăng ký tại UBND xã Nhuận Trạch. Quá trình chung sống có mâu thuẫn bất đồng nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Chị xác nhận hiện nay chị và con Nguyễn Văn L đang sinh sống tại căn nhà thuộc thôn Đồng S còn anh S thường xuyên đi làm ăn xa, ngoài địa phương thỉnh thoảng anh S có về nhà. Chị không biết địa chỉ nơi làm việc của anh Sơn. Chị không đồng ý ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến việc học tập của con.

Về nuôi con chung: chị và anh Sơn có một con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 10/5/2013 hiện nay ở với chị. Nếu phải ly hôn chị xin nuôi con, việc cấp dưỡng theo quy định của pháp luật hoặc do anh S tự nguyện.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về nợ chung: Không có

Tại Biên bản ghi ý kiến của cháu Nguyễn Văn L: Cháu L đề nghị được ở với mẹ Phạm Thị Tr.

Toà án tiến hành xác minh người đại diện nơi cư trú và người thân của anh S, chị Tr cho biết: Anh Nguyễn Minh S và chị Phạm Thị Tr là vợ chồng, sau khi kết hôn về sống tại thửa đất bố mẹ anh Sơn cho trước khi kết hôn. Sau đó hai vợ chồng xây dựng căn nhà để ở. Địa phương có biết anh Sơn, chị Tr xảy ra mâu thuẫn nhưng không biết nguyên nhân và đã sống ly thân, anh S thường xuyên đi làm ăn nơi khác ít khi về nhà, chị Tr và con trai vẫn sống tại căn nhà do vợ chồng xây dựng. Anh chị đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Toà án đã tiến hành tổng đạt Thông báo phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải lần 1, lần 2, lần 3; Thông báo kết quả phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải lần 1, lần 2, lần 3; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Tr theo quy định.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Sơn, xử cho anh Sơn được ly hôn chị Tr, giao con cho chị Tr nuôi dưỡng và anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, công nợ chung không đề nghị giải quyết nên không đề cập. Về án phí: anh Sơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Nguyễn Minh S khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn chị Phạm Thị Tr, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Điều 28 BLTTDS; các đương sự có nơi cư trú tại xã Nh, huyện L, tỉnh H nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự:

Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 04/4/2023 bị đơn chị Phạm Thị Tr không có mặt nên Tòa án hoãn phiên tòa và ra Quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn là chị Tr đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt chị Tr là phù hợp quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh S và chị Phạm Thị Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhuận Trạch, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình ghi vào sổ kết hôn số 27 quyển 01 ngày 27/7/2012. Theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến vợ chồng sống ly thân, anh S đi làm ăn xa khỏi địa phương thỉnh thoảng có về nhà; chị Tr và con trai Nguyễn Văn L ở tại căn nhà do hai vợ chồng xây dựng tại thôn Đ, xã Nhuận Tr. Hai vợ chồng anh S, chị Tr không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết vụ án, chị Trang có bày tỏ quan điểm không muốn ly hôn, nhưng chị Tr không đến tham gia phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không có nguyện vọng và biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy, giữa anh Sơn và chị Tr đã thực sự không còn tình cảm; đời sống chung thực tế không còn và không thể kéo dài; mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng; mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh S, cho anh Sơn được ly hôn chị Tr là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 10/5/2013 hiện nay đang ở với chị Tr tại căn nhà của hai vợ chồng xây dựng tại thôn Đ, xã Nhuận Trạch. Cháu L có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặt khác xác minh tại địa phương thấy anh Sơn thường xuyên đi làm xa, thỉnh thoảng mới về nhà. Vì vậy cần giao con cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng mới đảm bảo cho cháu L được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đầy đủ.

Chị Tr chưa yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con nhưng anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đồng /01 tháng. Nên ghi nhận sự tự nguyện đó.

[2.3]. Về tài sản chung: Anh S không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh S là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Anh S, chị Tr được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 81,82,83,84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh S,

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Minh S được ly hôn chị Phạm Thị Tr.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Văn L, sinh ngày 10/5/2013.

Anh Sơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đồng/ 01 tháng kể từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi con Nguyễn Văn L đủ 18 tuổi và trưởng thành.

Anh Sơn được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Anh Sơn, chị Tr đều có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Không có

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Minh S phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân & gia đình và 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Sơn đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0005397 ngày 31/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, nay anh Nguyễn Minh S còn phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Về quyền kháng

g cáo: Anh S và chị Tr vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lương Sơn;
- Chi cục THADS huyện Lương Sơn;
- UBND xã Nhuận Trạch, Lương Sơn;
- Công thông tin TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Nguyệt

